TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 338/2019/DS-PT
Ngày: 26 - 12 - 2019
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Đỗ Cao Khánh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2019 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 (Có mặt).

Cư trú: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh C ..

Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Kim H2 (Thị H2, sinh năm 1976.

Người đại diện hợp pháp của chị H2: Anh Nguyễn Khánh B, sinh năm 1975 (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2019, có mặt).

Cùng cư trú: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh C ..

2. Chị Nguyễn Cẩm H3 (Thị H3, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Khánh B, sinh năm 1975 (Có mặt)

Cư trú: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh C ..

2. Anh Nguyễn Hữu H4, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1951 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: số 196 Quốc lộ 1A, khu vực Yên Hòa, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

4. Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: số 258 đường Dương Minh Quang, khóm 5, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

5. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1953 (Có mặt)

6. Ông Nguyễn Văn H5, sinh năm 1954 (Có mặt)

Cùng cư trú: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh C ..

7. Ủy ban nhân dân huyện Cái N, tỉnh Cà Mau (Không triệu tập)

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Kim H2 (Nguyễn Thị Hón).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày:

Diện tích đất 19770m^2 tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh C . là của cụ bà Tăng Thị Điệt để lại. Cụ Điệt có 06 người con bao gồm: 04 người con trai là ông Nguyễn Văn Thăng, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H5 và ông Nguyễn Văn Chênh (Chên); 02 người con gái là bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Kiều D. Khi còn sống, cụ Điệt cùng các con thống nhất chia diện tích đất này cho 04 người con trai. Đến năm 1995, khi có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Thăng đại diện gia đình làm thủ tục đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Cái N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/01/1995. Sau đó, cụ Điệt chết (không ai nhớ vào thời gian nào), ông Chênh là con út trong gia đình nên nhận trách nhiệm thờ cúng ông bà cha mẹ. Vào ngày 03/01/2009, ông Thăng tổ chức cuộc họp anh em để xác định phần đất của cha mẹ để lại chia đều cho 04 anh em trai là ông Thăng, ông C, ông H5 và ông Chênh. Trong năm 2009 ông Nguyễn Văn C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 3240m^2 và quản lý canh tác riêng từ thủ tục tặng cho từ ông Thăng. Ông Thăng, ông H5 và ông Chênh vẫn canh tác chung và khi thu hoạch thì chia đều nhau. Năm 2015, ông Thăng chết, ông H5, ông Chênh cùng với con của ông Thăng là chị H2 và chị H3 canh tác chung phần đất trên. Đến năm 2016, ông Chênh họp gia đình đồng ý cho anh N toàn bộ đất đai của cải của ông Chênh với điều kiện anh N phải dưỡng nuôi ông Chênh đến khi ông chết, đồng thời phải thờ cúng và trùng tu mồ mã ông bà. Ông Chênh chết vào ngày 07/10/2016, ông H5 cho chị H2, chị H3 thuê lại phần đất của ông, anh N đòi lại phần đất của ông Chênh để lại do chị H2, chị H3 đang quản lý canh tác thì giữa anh N và chị H2, chị H3 phát sinh tranh chấp.

Nay anh N yêu cầu chị H2, chị H3, anh B (chồng chị H2 và anh H4 (chồng chị H3 cùng trả lại phần đất theo đo đạc thực tế là 5186,1m^2 nằm trong phần đất 16.530m^2 tại giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số G 162479 do Ủy ban nhân dân huyện Cái N cấp cho ông Nguyễn Văn Thăng là tài sản của ông Nguyễn Văn

Chênh tặng cho anh Nguyễn Văn N. Đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Cái N điều chỉnh tách diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5186,1m^2 ra khỏi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Thăng đứng tên để anh Nguyễn Văn N đứng tên.

Bị đơn là chị Nguyễn Kim H2 và chị Nguyễn Cẩm H3 thống nhất trình bày :

Hai chị không đồng ý theo lời trình bày của anh N. Theo hai chị thì toàn bộ phần đất 16.530 m^2 là đất của bà nội của chị là cụ Điệt để lại cho cha của hai chị, cha của chị là ông Nguyễn Văn Thăng đã được UBND huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/01/1995. Cha chị canh tác đến năm 2015 thì cha chị chết. Sau khi ông Thăng chết thì hai chị quản lý sử dụng toàn bộ phần đất này. Từ trước đến nay, hai chị không nghe nói việc cụ Điệt có cho ông Chênh 04 công đất. Vào năm 2009, hai chị vẫn còn sinh sống chung với ông Thăng ở ấp Hưng Thành, xã Phú Hưng nhưng hai chị không biết việc họp anh em vào ngày 03/01/2009 nên hai chị không đồng ý Biên bản họp anh em vào ngày 03/01/2009. Tại buổi họp gia đình vào ngày 08/9/2016 thì chị H3 có tham gia. Đến năm 2010, chị H3 mới đến sinh sống ở ấp Trần Độ, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Toàn bộ đất của ông Chênh được cho trước đây đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và những tài sản khác của ông Chênh đã được giao cho anh N quản lý, sử dụng theo di chúc của ông Chênh. Hai chị khẳng định đây là đất của ông Thăng chết để lại cho hai chị nên hai chị không đồng ý trả lại cho anh N. Do không đồng ý trả lại đất nên hai chị cũng không yêu cầu tiền công sức cải tạo phần đất phía anh N yêu cầu.

Theo anh Nguyễn Khánh B và anh Nguyễn Hữu H4: Thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Kim H2 và chị Nguyễn Cẩm H3.

Theo ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H5, bà Nguyễn Thị Diễm, bà Nguyễn Thị P: Thống nhất lời trình bày của anh Nguyễn Văn N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 228, 244, 266, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Văn N đối với chị Nguyễn Kim H2, chị Nguyễn Cẩm H3, anh Nguyễn Khánh B và anh Nguyễn Hữu H4.

Buộc chị H2, chị H3, anh B (chồng chị H2 và anh H4 (chồng chị H3 cùng trả lại phần đất theo đo đạc thực tế $M_1M_2M_3M_4M_5M_6M_1$ = 5186,1m^2 tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh C ., có tứ cận như sơ đồ đo đạc. Phần đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G162479 do Ủy ban nhân dân huyện Cái N cấp cho ông Nguyễn Văn Thăng vào ngày 10/01/1995. Đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Cái N điều chỉnh một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông

Nguyễn Văn Thăng, tách diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5186,1m^2 để anh Nguyễn Văn N đứng tên.

Buộc chị Nguyễn Kim H2, chị Nguyễn Cẩm H3, anh Nguyễn Khánh B và anh Nguyễn Hữu H4 liên đới trả lại cho anh Nguyễn Văn N số tiền 9.336.000 đồng là chi phí đo đạc phần đất tranh chấp và chi phí trích lục hồ sơ cấp đất.

Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H5 đối với chị Nguyễn Kim H2 và chị Nguyễn Cẩm H3 về việc buộc chị H3 và chị H2 trả lại ông H5 phần đất 04 công (tầm 03m) tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh C .. Đồng thời ông yêu cầu chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất mà ông yêu cầu sang cho ông đứng tên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/10/2019, chị Nguyễn Kim H2 kháng cáo với nội dung phần đất tranh chấp là của cha chị là ông Nguyễn Văn Thăng đã được thừa hưởng toàn bộ 16.530m^2, không có việc ông Thăng, ông H5, ông Chênh cùng canh tác sử dụng chung phần đất này; Biên bản họp gia đình năm 2009 là không có giá trị do ông Thăng bị tác động, gây áp lực từ các chị em trong gia đình; Việc tặng cho tài sản thì các cô chú đã có tài sản riêng không phải nằm trong diện tích 16.530m^2 của ông Thăng và việc ông Chênh tặng cho phần đất của mình cho anh N cũng là phần đất vườn khác chứ không phải phần đất của ông Thăng; Ông Chênh bị mù chữ nên không thể tự ký tên vào biên bản họp gia đình được và ông Thăng cũng không có tư cách chia đất cho các anh em; Gia đình chị đã canh tác phần đất từ 1995 đến nay nên đã có đóng góp nhiều công sức mà Tòa án không xem xét; Gia đình chị phải chịu án phí trong khi phía anh N được nhận đất mà không chịu án phí. Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để giải quyết lại theo thủ tục chung nhằm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất của chị và gia đình chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hón với lý do phần đất tranh chấp đã được ông Thăng chủ trì họp gia đình xác định từng phần đất của ông Thăng, ông H5, ông C, ông Chênh và nguồn gốc đất là của cha mẹ các ông, biên bản họp là hợp pháp, ông Chênh có lập biên bản cho lại đất anh N nên anh N yêu cầu lấy lại đất sử dụng là có căn cứ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị H2 về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm anh B đại diện hợp pháp của chị H2 xác định yêu cầu cấp phúc thẩm xem sét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N.

[2] Xét kháng cáo của chị H2 cho rằng phần đất 16.530m^2 là của cha chị là ông Thăng được thừa hưởng toàn bộ, không có việc ông Thăng, ông H5 và ông Chênh cùng canh tác sử dụng đất, ông Thăng bị ép buộc cho đất và thực tế ông Thăng cũng không có quyền cho đất. Thấy rằng, tại Biên bản họp anh em của ông Thăng vào ngày 03/01/2009 thì ông Thăng là người chủ trì cuộc họp, nội dung của biên bản thể hiện "Đất này là của cha mẹ tôi để lại cho các anh em chúng tôi không có tranh chấp và cũng không cầm cố" (BL 07). Mặc dù chị H2 không thừa nhận biên bản này nhưng thực tế các ông Thăng, Hấu, Cần, Chênh đã tiến hành họp, có xác nhận của chính quyền địa phương và được các chị em của ông Thăng là ông H5, ông C, bà P và bà D thừa nhận. Hơn nữa, chị Nguyễn Cẩm H3 cũng thừa nhận tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 09/02/2017 là "… bốn công đất tầm lớn của ông H5 còn nằm chung trong quyền sử dụng đất của ông Thăng…" (BL 14) và tại phiên tòa anh B, ông H5 cũng thừa nhận vấn đề này nên có cơ sở xác định phần đất của cụ Điệt được chia cho 04 người con và họ cùng sử dụng chung như án sơ thẩm nhận định là phù hợp. Chị H2 khẳng định ông Thăng đã được thừa hưởng toàn bộ 16.530m^2 là không có căn cứ và chị H2 cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc ông Thăng bị tác động, gây áp lực từ các chị em của ông Thăng nên mới có Biên bản họp gia đình năm 2009. Trên thực tế khi họp gia đình xong thì ông C tiến hành làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất và ông Thăng cũng tự nguyện ký tên vào thủ tục để cấp quyền sử dụng đất cho ông C, điều này chứng minh được việc ông Thăng không bị bất kỳ ai ép buộc hoặc tạo áp lực buộc ông Thăng phải ký tên. Từ khi ông C được cấp quyền sử dụng đất năm 2009 và khi ông Thăng còn sống thì không có bất cứ tranh chấp hoặc có ý kiến gì trong gia đình ông Thăng phản đối việc ông Thăng chia đất cho ông C ông H5 và ông Chênh nên lời trình bày của chị H2 là không có cơ sở.

[3] Đối với việc chị H2 cho rằng ông Chênh không biết chữ nên không thể ký tên vào Biên bản họp gia đình năm 2009 nên biên bản này không hợp pháp. Xét việc ông Chênh ký hoặc không ký tên vào biên bản thì cũng không ảnh hưởng gì đến quyết định của ông Thăng, chính ông Thăng là người đang đứng tên quyền sử dụng đất và ông Thăng đã thể hiện quan điểm là đất này do cha mẹ để lại cho 04 anh em nên ông Thăng mới quyết định giao lại cho các anh em của ông.

[4] Đối với kháng cáo của chị H2 cho rằng anh N được nhận quyền sử dụng đất nhưng anh N không chịu án phí lại buộc các anh chị em của chị phải chịu án phí. Xét thấy, khi anh N yêu cầu chị H2 và chị H3 giao lại quyền sử dụng đất nhưng chị H2, chị H3, anh B, anh H4 không giao mà vẫn tiếp tục sử dụng, hai bên

xảy ra tranh chấp và bản án tuyên xử buộc chị H2, chị H3, anh B, anh H4 phải trả lại phần đất cho anh N. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N nên chị H3, chị H2, anh B, anh H4 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là đúng theo quy định.

[5] Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận nên chị H2 phải chịu theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H2 là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Kim H2 (Nguyễn Thị Hón). Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Tuyên xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 228, 244, 266, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Văn N đối với chị Nguyễn Kim H2, chị Nguyễn Cẩm H3, anh Nguyễn Khánh B và anh Nguyễn Hữu H4.

Buộc chị H2, chị H3, anh B (chồng chị H2 và anh H4 (chồng chị H3 cùng trả lại phần đất theo đo đạc thực tế $M_1M_2M_3M_4M_5M_6M_1$ = 5186,1m^2 tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh C ., có tứ cận như sơ đồ đo đạc. Phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G162479 do Ủy ban nhân dân huyện Cái N cấp cho ông Nguyễn Văn Thăng vào ngày 10/01/1995. Đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Cái N điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Thăng, tách diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5186,1m^2 để anh Nguyễn Văn N đứng tên.

Buộc chị Nguyễn Kim H2, chị Nguyễn Cẩm H3, anh Nguyễn Khánh B và anh Nguyễn Hữu H4 liên đới trả lại cho anh Nguyễn Văn N số tiền 9.336.000 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, chị Nguyễn Kim H2, chị Nguyễn Cẩm H3, anh Nguyễn Khánh B và anh Nguyễn Hữu H4 không liên đới thi hành khoản tiền nêu trên thì chị H2, chị H3, anh B và anh H4 phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Kim H2, chị Nguyễn Cẩm H3, anh Nguyễn Khánh B và anh Nguyễn Hữu H4 liên đới chịu 8.303.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh N có dự nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0011095 ngày 15/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Kim H2 (Thị H2 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai số 0004876 ngày 29/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà